TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Ông Đào Hoàng Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện D, tỉnh L; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Châu Huỳnh V, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh G; Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Đ bày:* Chị Đ và anh V kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 634 ngày 26/12/2002). Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Trong quá trình chung sống anh chị đã có 02 người con chung là Châu Y B, sinh ngày 02/7/2002, giới tính nữ và Châu Huỳnh Y, sinh ngày 15/6/2005, giới tính nam. Hiện nay 02 người con đang sống với chị Đ, chị

xin được nuôi 02 người con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Theo đơn khởi kiện chị Đ có yêu cầu chia tài sản là chiếc xe trị giá 34.000.000 đồng và số tiền 33.000.000 đồng, chị yêu cầu mỗi người nhận 50%. Ngày 27/7/2017 chị Đ có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản.

** Bị đơn anh Châu Huỳnh V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*: Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Lê Thị Đ thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh Châu Huỳnh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định. Chị Đ và anh V đã sống ly thân hơn 03 năm nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đ được ly hôn với anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đ và anh V có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh G nên pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng; chị Đ có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Châu Huỳnh V cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để xem xét nguyện vọng của các bên, tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh V đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

[2] Chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh V, đồng thời yêu cầu được quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật vụ án giữa chị Lê Thị Đ và anh Châu Huỳnh V là tranh chấp về việc *"Ly hôn và nuôi con"*.

[3] Chị Đ và anh V đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị Đ cho rằng anh V sinh tật cờ bạc và có người phụ nữ khác, từ đó phát sinh bạo lực gia đình, cuộc sống không còn hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị, chính quyền địa phương cũng cho biết anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm nay, chị Đ có nộp đơn để

địa phương giải quyết, anh V cho rằng còn thương vợ, không muốn ly hôn nhưng chính quyền mời nhiều lần hòa giải anh V không đến dự.

Anh V vắng mặt trong các buổi hòa giải và vắng mặt phiên tòa không lý do là tự đánh mất quyền trình bày ý kiến, quyền tranh luận tại phiên tòa, cũng như cơ hội được hàn gắn.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, hiện nay mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Đ yêu cầu ly hôn là chính đáng; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị cho chị Đ được ly hôn với anh V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đ được ly hôn với anh V.

[4] Chị Đ và anh V có 02 người con chung là Châu Y B, sinh ngày 02/7/2002, giới tính nữ và Châu Huỳnh Y, sinh ngày 15/6/2005, giới tính nam. Hiện nay 02 người con đang sống chung với chị Đ và cả 02 đều có nguyện vọng được sống chung với chị Đ; anh V hiện nay đi làm xa không có điều kiện chăm sóc các con nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thống nhất theo nguyện vọng của Y B và Huỳnh Y, giao 02 cháu cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con không ai được cản trở.

Chị Đ và Y B, Huỳnh Y không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[5] Chị Đ tự nguyện rút yêu cầu về chia tài sản nên cần phải đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đ khai không nợ ai, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đ tự nguyện rút yêu cầu về chia tài sản trước khi Tòa án mở phiên tòa nên áp dụng Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự trả tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản cho chị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 207, 217, 218, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ, cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Châu Huỳnh V.

2. Về con chung: Giao Châu Y B, sinh ngày 02/7/2002, giới tính nữ và Châu Huỳnh Y, sinh ngày 15/6/2005, giới tính nam cho chị Lê Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của chị Đ.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004258 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 837.000 đồng (Tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004259 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận